

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN G  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 09-9-2020

“Tranh chấp về ly hôn và  
yêu cầu nuôi con chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Nghề

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lương Thị Hồng Hạnh;

2. Bà Vũ Thị Đào.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa:** Ông Cao Thế Lĩnh – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 172/2020/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 6 năm 2020 về: “Tranh chấp về ly hôn và yêu cầu nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Cao Thị Mỹ Đ - sinh năm 1992 (có mặt);

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện G, Kiên Giang.

*Bị đơn:* Anh Lê Hoài T - sinh năm 1992 (vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện G, Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 01/6/2020, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Cao Thị Mỹ Đ trình bày:*

Vào năm 2011, sau thời gian được mai mối, chị và anh Lê Hoài T tự nguyện kết hôn với nhau, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn trễ hạn vào ngày 17/12/2012 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn do anh T có người phụ nữ khác bên ngoài nên không quan tâm vợ con, vợ chồng thường xuyên cự cãi, mặc dù chị đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh T không từ bỏ, vợ chồng đã ly thân từ tháng 03/2020 đến nay. Suốt thời gian ly thân, anh T

cũng không quan tâm gì đến mẹ con chị. Nay, chị nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hàn gắn được nữa, vợ chồng không còn tình cảm yêu thương nhau nên chị yêu cầu ly hôn.

Thời gian chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Lê Quốc K, sinh ngày 27/11/2013, hiện nay đang sống chung với chị.

Tài sản chung, nợ chung: Chị Đ xác định không có.

Tại phiên tòa, chị Cao Thị Mỹ Đ yêu cầu ly hôn với anh Lê Hoài T; Về con chung, chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng; Về tài sản chung, nợ chung, không có nên chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Lê Hoài T không có mặt tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật cho anh T nhưng anh T không có mặt cũng không cung cấp bản tự khai cho Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của anh.

***Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:***

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định nhưng đều vắng mặt là không tuân thủ quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự cũng như tại phiên tòa hôm nay, đối chiếu với các quy định của pháp luật đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận cho chị Cao Thị Mỹ Đ được ly hôn với anh Lê Hoài T; Về con chung: Giao con chung tên Lê Quốc K, sinh ngày 27/11/2013 cho chị Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đ xác định không có tài sản chung và không có nợ chung nên không xem xét.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình chung sống, do phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được với nhau nên chị Cao Thị Mỹ Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lê Hoài T được Tòa án thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền được quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Anh Lê Hoài T với tư cách là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án vẫn được xét xử theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Chị Cao Thị Mỹ Đ và anh Lê Hoài T kết hôn với nhau vào năm 2011, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và có

đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân xã Thới Quán, huyện G, tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận kết hôn 142, ngày 17 tháng 12 năm 2012, như vậy hôn nhân của chị Đ và anh T là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân thấy rằng: Dù hôn nhân của chị Đ và anh T là hôn nhân tự nguyện nhưng sau một thời gian chung sống thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không tự giải quyết được, chị Đ cho rằng vợ chồng không hợp nhau nên thường xuyên cự cãi, anh T không quan tâm, lo lắng cho gia đình mà có người phụ nữ khác bên ngoài. Đối với anh Lê Hoài T, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt và thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng trong đó có 02 lần tổng đạt Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để tạo điều kiện cho vợ chồng anh chị hòa giải, đoàn tụ với nhau nhưng anh T đều không có mặt nên Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được. Hơn nữa, anh T cũng không gửi bất cứ văn bản nào thể hiện ý kiến và yêu cầu của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị Đ cho Tòa án.

Tại phiên tòa, chị Đ khai rõ trong suốt thời gian ly thân, vợ chồng không còn liên lạc gì với nhau, bản thân chị thì không còn tình cảm dành cho chồng và chị Đ cũng tỏ rõ thái độ cương quyết ly hôn với anh T. HĐXX thấy rằng, mâu thuẫn vợ chồng của chị Đ và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đ là phù hợp.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, chị Đ xác định, chị và anh T có 01 con chung tên Lê Quốc K, sinh ngày 27/11/2013, hiện nay cháu K đang sống cùng với chị Đ nên chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Quá trình giải quyết vụ kiện, anh T không có ý kiến và yêu cầu gì đối với yêu cầu được nuôi con chung của chị Đ.

Xét yêu cầu nuôi con chung của chị Đ, HĐXX thấy rằng, từ khi ly thân đến nay do một mình chị Đ chăm sóc, nuôi dưỡng và cháu Kiên cũng được phát triển bình thường như những đứa trẻ khác. Vì vậy, cần giao con chung cho chị Đ tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Đ không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[5] Tài sản chung và nợ chung: Chị Đ xác định vợ chồng không có tài sản chung và cũng không thiếu nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Án phí ly hôn bằng 300.000 đồng chị Cao Thị Mỹ Đ phải nộp do có yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận cho chị Cao Thị Mỹ Đ được ly hôn với anh Lê Hoài T.

**2. Về con chung:** Giao con chung tên Lê Quốc K, sinh ngày 27/11/2013 cho chị Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lê Hoài T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền tới lui thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở anh thực hiện quyền này. Khi cần thiết anh chị có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

**3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:** Chị Cao Thị Mỹ Đ phải chịu án phí là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005001, ngày 10/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị Cao Thị Mỹ Đ đã nộp xong án phí.

**4. Quyền kháng cáo:** Chị Cao Thị Mỹ Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 09/9/2020. Anh Lê Hoài T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Đã ký*

**Nguyễn Thành Nghè**